

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-PT**
Ngày 20 - 12 - 2022
“Về việc yêu cầu tuyên bố
không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.
Các Thẩm phán: Ông Phúc An Hoàn và ông Nguyễn Đức Nam.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:**
Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Q, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).
 - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Văn T - Luật sư Văn phòng Luật sư số 54 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang; Địa chỉ: Số N, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).
2. Bị đơn: Ông Trần Viết T, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.
 - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Viết T1, sinh năm 1962. Theo giấy ủy quyền lập ngày 01/8/2022 có chứng thực của UBND thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (có mặt);
Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang.
3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Viết T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ kiện như sau:
Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Tô Thị Q trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Trần Việt T được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 21/8/1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc bà và ông T chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bà chung sống hạnh phúc bình thường tại thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đến ngày 10/02/2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa bà và ông T không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do ông T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến không quan tâm, chăm sóc gì đến vợ và các con, vợ chồng không còn tin tưởng và yêu thương nhau, thường xuyên xảy ra to tiếng đánh cãi chửi nhau. Năm 2017 ông T đi ngoại tình về nhà còn đánh chém bà bị gãy ngón tay, bà phải đi cấp cứu tại Bệnh viện 103 thành phố Hà Nội nhiều ngày. Thực tế bà và ông T đã sống ly thân nhau từ ngày 19/02/2019 đến nay, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Bà xác định không còn tình cảm với ông Tuyên, mâu thuẫn giữa bà và ông T đã căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Bà đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Trần Việt T theo quy định pháp luật.

- *Về con chung:* Bà và ông Trần Việt T có 03 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 13/02/1998; Trần Thị T2, sinh ngày 26/9/2001 và Trần Việt B, sinh ngày 18/9/2013.

Hiện nay cháu Trần Lan A, sinh ngày 13/02/1998 và cháu Trần Thị T2, sinh ngày 26/9/2001 đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Việt B, sinh ngày 18/9/2013 đến khi trưởng thành. Bà yêu cầu ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà đối với cháu Trần Việt B là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 trở đi cho đến khi cháu Trần Việt B đủ 18 tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Bà Q xác định quá trình chung sống bà và ông Trần Việt T có một số tài sản chung sau gồm:

+ 01 diện tích đất thổ cư 400m² và 3.625m² đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 01, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650944 ngày 31/12/2013 mang tên Tô Thị Q và Trần Việt T. Trên diện tích đất này đã xây dựng: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 80m², xây dựng năm 2012 cùng các công trình phụ trợ trên đất và 01 nhà gỗ ba gian, mái lợp fibroximang, diện tích khoảng 70m² xây dựng năm 1994 tại thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ 01 diện tích đất trồng cây lâu năm khác 544m² tại thửa số 09, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên

Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650952 ngày 31/12/2013 mang tên Tô Thị Q và Trần Việt T.

Khi ly hôn, bà đề nghị chia diện tích đất thổ cư 400m² và đất trồng cây lâu năm khác 3.625m² làm hai phần, bà được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất mà trên đất đã xây dựng 01 nhà xây một tầng và các công trình phụ trợ trên đất; Còn ông Trần Việt T được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất mà trên đất có 01 nhà gỗ ba gian, mái lợp fibroximang. Đồng thời ông T được quyền quản lý, sử dụng diện tích 544m² đất trồng cây lâu năm khác tại thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch về tài sản cho ông Trần Việt T theo quy định pháp luật.

Ngoài các tài sản chung nêu trên, bà không yêu cầu Tòa án chia bất cứ tài sản chung gì khác.

Đối với kết quả đo vẽ, thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản do Tòa án phối hợp cùng Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản tiến hành, Bà Q nhất trí và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Bà Q xác định đối với 01 nhà gỗ ba gian, mái lợp fibroximang và các cây trồng trên đất mà bà và ông T đang tranh chấp, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản trên.

- *Về nợ chung*: Bà Q xác định bà và ông Trần Việt T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Việt T trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Tô Thị Q được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 21/8/1995 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Việc ông và Bà Q chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc bình thường, đến ngày 10/02/2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa ông và Bà Q không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Ông xác định và thừa nhận năm 2017 ông có đánh chém Bà Q khiến Bà Q bị gãy ngón tay, phải đi cấp cứu tại Bệnh viện 103 thành phố Hà Nội nhiều ngày. Thực tế ông và Bà Q đã sống ly thân nhau từ ngày 19/02/2019 đến nay, không còn quan hệ gì với nhau nữa. Ông xác định không còn tình cảm với bà Q, mâu thuẫn giữa ông và Bà Q đã căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Ông nhất trí đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Tô Thị Q theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Ông và bà Tô Thị Q có 03 con chung là Trần Lan A, sinh ngày 13/02/1998; Trần Thị T2, sinh ngày 26/9/2001 và Trần Việt B, sinh ngày 18/9/2013.

Hiện nay cháu Trần Lan A, sinh ngày 13/02/1998 và cháu Trần Thị T2, sinh ngày 26/9/2001 đã trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, ông

nhất trí để Bà Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Trần Viết B, sinh ngày 18/9/2013 đến khi trưởng thành. Ông có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng Bà Q đối với cháu Trần Viết B là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 trở đi cho đến khi cháu Trần Viết B đủ 18 tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung, đất đai chung:* Ông Trần Viết T xác định quá trình chung sống ông và bà Tô Thị Q có một số tài sản chung sau:

+ 01 diện tích đất thổ cư 400m² và đất trồng cây lâu năm khác 3.625m² tại thửa số 01, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650944 ngày 31/12/2013 mang tên Tô Thị Q và Trần Viết T. Trên diện tích đất này đã xây dựng: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 80m², xây dựng năm 2012 cùng các công trình phụ trợ trên đất và 01 nhà gỗ ba gian, mái lợp fibroximang, diện tích khoảng 70m² xây dựng năm 1994 tại thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

+ 01 diện tích đất trồng cây lâu năm khác 544m² tại thửa số 09, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650952 ngày 31/12/2013 mang tên Tô Thị Q và Trần Viết T.

Ông T không nhất trí chia tài sản chung, đất đai chung theo yêu cầu khởi kiện của bà Q. Ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết phần chia tài sản chung, đất đai chung nêu trên theo quy định pháp luật.

Đối với kết quả đo vẽ, thẩm định tại chỗ và kết quả định giá tài sản do Tòa án phối hợp cùng Hội đồng thẩm định và Hội đồng định giá tài sản tiến hành, ông T nhất trí và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa ông T xác định đối với 01 nhà gỗ ba gian, mái lợp fibroximang và các cây trồng trên đất mà ông và Bà Q đang tranh chấp, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản trên.

- *Về công nợ chung:* Ông T xác định ông và bà Tô Thị Q không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu Trần Viết B, sinh ngày 18/9/2013 (là con chung bà Tô Thị Q và ông Trần Viết T), cháu Trần Viết B trình bày: Khi bố mẹ giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng muốn ở với mẹ cháu là Tô Thị Q. Cháu tự nguyện ở với mẹ cháu, cháu mong muốn được ở với mẹ, không bị ai ép buộc gì.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 07/01/2022 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang không thể hiện việc bà Tô Thị Q có đăng ký kết hôn với ông Trần Viết T.

Do các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung khi giải quyết ly hôn nên Tòa án tiến hành thẩm định và định giá tài sản chung của bà Tô Thị Q và ông Trần Viết T.

Hội đồng định giá tài sản căn cứ vào các văn bản:

+ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức và tài sản cố định do Nhà nước giao cho Doanh nghiệp quản lý;

+ Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

+ Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản gắn liền với đất khi bị Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kết quả thẩm định, định giá tài sản cụ thể như sau:

1. Về công trình trên đất:

+ 01 ngôi nhà xây 1 tầng, tường 220cm, quét vôi ve, mái đổ bê tông cốt thép, xây dựng năm 2012.

Trị giá: Diện tích $72,2m^2 \times 3.467.600 \text{ đồng}/m^2 \times 35\% \times 1,04 = 91.131.302 \text{ đồng}$.

+ Công trình phụ trợ xây bằng gạch, lợp fibroximang, xây dựng năm 2010.

Trị giá: $43,3m^2 \times 503.928 \text{ đồng}/m^2 \times 5\% \times 1,04 = 1.134.644 \text{ đồng}$.

+ Công trình phụ trợ xây bằng gạch, lợp fibroximang, xây dựng năm 2010.

Trị giá: $12,5m^2 \times 503.928 \text{ đồng}/m^2 \times 5\% \times 1,04 = 327.553 \text{ đồng}$.

+ Đường bê tông mác 100, xây dựng tháng 10/2020.

Trị giá: $4,4m^3 \times 681.430 \text{ đồng}/m^3 \times 85,8\% \times 1,04 = 3.382.153 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị nhà xây và các công trình phụ trợ trên đất là: 95.975.652 đồng.

2. Về diện tích đất: Khi Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định, đo vẽ thực tế hiện trạng diện tích đất mà Bà Q và ông T đang quản lý, sử dụng thì có sự chênh lệch về diện tích đất so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện H cấp cho bà Tô Thị Q và ông Trần Viết T. Kết quả thẩm định, đo vẽ diện tích đất cụ thể như sau:

2.1 Diện tích đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 01, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650944 ngày 31/12/2013 mang tên Tô Thị Q và Trần Viết T. Khi đo vẽ, thẩm định được chia là 02 thửa, cụ thể:

+ Thửa số 01: Diện tích $2.561,4m^2$, trong đó: Đất ở tại nông thôn là $200m^2 \times 80.000 \text{ đồng}/m^2 = 16.000.000 \text{ đồng}$; Đất trồng cây lâu năm khác là $2.361,4m^2 \times 34.000 \text{ đồng}/m^2 = 80.287.600 \text{ đồng}$. Tổng giá trị thửa đất số 01 là: 96.287.600 đồng.

+ Thửa số 02: Diện tích $1.161,9m^2$, trong đó: Đất ở tại nông thôn là $200m^2 \times 80.000 \text{ đồng}/m^2 = 16.000.000 \text{ đồng}$; Đất trồng cây lâu năm khác là $961,9m^2 \times 34.000 \text{ đồng}/m^2 = 32.704.600 \text{ đồng}$. Tổng giá trị thửa đất số 02 là: 48.704.600 đồng.

2.2 Diện tích đất trồng cây lâu năm khác tại thửa số 09, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650952 ngày 31/12/2013

mang tên Tô Thị Q và Trần Viết T. Khi đo vẽ, thẩm định xác định là thửa số 03, trị giá:

+ Thửa số 03: Diện tích $635,6m^2$ là đất trồng cây lâu năm khác, có giá trị $635,6m^2 \times 41.000\text{đồng}/m^2 = 26.059.600$ đồng.

Tổng trị giá diện tích đất mà Bà Q và ông T đang quản lý, sử dụng là 171.051.800 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của Bà Q và ông T đã được Hội đồng định giá xác định là 267.027.000đ (*Hai trăm sáu mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã Quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 15, 16, 59, 62, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 213, 219 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Tô Thị Q và ông Trần Viết T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Viết B, sinh ngày 18/9/2013 cho bà Tô Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trần Viết T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Tô Thị Q đối với cháu B số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu Trần Viết B đủ 18 tuổi trưởng thành; Ông Trần Viết T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Tô Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Viết T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về chia tài sản chung:

- Đối với ông Trần Viết T: Giao cho ông Trần Viết T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất (thửa số 02 theo sơ đồ đo vẽ, thẩm định) có diện tích $1.161,9m^2$, trong đó: Đất ở tại nông thôn là $200m^2$ và đất trồng cây lâu năm khác là $961,9m^2$ tại thửa số 01, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650944 ngày 31/12/2013 và diện tích đất (thửa số 03 theo sơ đồ đo vẽ, thẩm định) đất trồng cây lâu năm khác có diện tích là $635,6m^2$ tại thửa số

09, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650952 ngày 31/12/2013, có tổng trị giá là 74.764.000đ (*Bảy mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*).

- Đối với bà Tô Thị Q: Giao cho bà Tô Thị Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất (thửa số 01 theo sơ đồ đo vẽ, thẩm định) có diện tích là 2.561,4m², trong đó: Đất ở tại nông thôn là 200m² và đất trồng cây lâu năm khác là 2.361,4m² cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây 1 tầng, tường 220cm, quét vôi ve, mái đồ bê tông cốt thép và các công trình phụ trợ trên đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 650944 ngày 31/12/2013, có tổng trị giá là 192.263.000đ (*Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

Toàn bộ diện tích đất mà bà Tô Thị Q và ông Trần Viết T được giao quản lý, sử dụng nêu trên xác định bởi 03 thửa (thửa 01, thửa 02, thửa 03) như Sơ đồ đo vẽ, thẩm định do Công ty TNHH một thành viên dịch vụ tài nguyên môi trường Hà Tuyên thực hiện ngày 24/3/2022 (Có sơ đồ chi tiết kèm theo không tách rời bản án).

+ Bà Tô Thị Q có trách nhiệm trả cho ông Trần Viết T số tiền chênh lệch về việc phân chia tài sản chung là 58.749.500đ (*Năm mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng*).

Khoản tiền phải thanh toán nêu trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Trần Viết T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Tô Thị Q chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về chi phí tố tụng:

+ Buộc ông Trần Viết T có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Tô Thị Q khoản tiền chi phí tố tụng là 8.500.000đ (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Khoản tiền phải trả như trên, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Tô Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Viết T chậm trả thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/8/2022, Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Trần Viết T có nội dung: Kháng cáo phân chia tài sản chung trong bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H. Ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau đây: Về nhà ở: Yêu cầu Tòa án chia cho ông 01 gian nhà để ở, Bà Q 02 gian. Về quyền sử dụng đất: Đối với đất ở thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 00, yêu cầu Tòa án chia cho ông phần đất có một gian nhà ở hắt ra ngoài giáp đất ông S thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, phần đất có 02 gian nhà hắt ra phía đất giáp ông Khoa chia cho bà Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tô Thị Q trình bày: Đối với yêu cầu của ông T đề nghị chia cho ông 1 gian nhà xây, tôi thấy yêu cầu của ông T như vậy là không khả thi bởi vì nếu sau này ông T không ở mà muốn phá dỡ sẽ ảnh hưởng đến kết cấu móng và mái nhà nên bà không nhất trí với yêu cầu kháng cáo này của ông Tuyên. Ngoài ra bà trình bày thêm, ngôi nhà ông bà đang ở trước khi ly hôn các con bà là Trần Lan A và Trần Thị T2 cũng có công sức đóng góp tiền để làm cửa, lát nền, lát sân và làm công trình phụ, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyền lợi của các con bà theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; xem xét về công sức đóng góp của các cháu Trần Lan A và Trần Thị T2 trong việc làm cửa, lát sân, lát nền, công trình phụ để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Việt T và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Việt T1 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bởi vì Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung của vợ chồng chưa đảm bảo về chỗ ở cho ông Tuyên; toàn bộ diện tích đất tại thửa số 01 tờ bản đồ 00 có ngôi nhà gỗ 3 gian lợp fibroximang là của bố mẹ ông xây dựng trên đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ ông, bố mẹ ông chết chưa chia thừa kế diện tích đất và tài sản trên đất, nay Tòa án cấp sơ thẩm đem chia chia tài sản là diện tích đất cho Bà Q là chưa xác minh làm rõ diện tích đất trên có được cấp trồng nhau hay không. Về việc Bà Q trình bày các con là Trần Lan A và Trần Thị T2 có đóng góp tiền để làm cửa, lát nền, lát sân và công trình phụ ông có biết nhưng các cháu không đưa tiền trực tiếp cho ông nên ông không nắm được các cháu đóng góp bao nhiêu tiền, ông đề nghị Tòa án xem xét làm rõ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn cho rằng các con là cháu Trần Lan A và Trần Thị T2 có sự đóng góp tiền để làm cửa, lát nền, lát sân và làm công trình phụ, thể hiện tại biên bản họp gia đình ghi ngày 29/10/2021 (BL 190 - 191), nhưng chưa được xem xét, vì vậy cần đưa cháu Trần Lan A và Trần Thị T2 (là con chung của Bà Q và ông Tuyên) tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Ngoài ra bản án sơ thẩm chia đất nhưng không xác định các cây trồng trên đất, giá trị cây trồng trên đất và tài sản trên đất (phần chia cho ông Tuyên) tại các thửa đất mà chia cho các đương sự được hưởng, dẫn đến không thể thi hành án và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước và của các đương sự.

Về nguồn gốc đất cần xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn, bị đơn tại thửa số 01 tờ bản đồ 00 mang tên ông Trần Viết T và bà Tô Thị Q có bị cấp trùng vào diện tích đất của ông Trần Viết T như đề nghị của ông Trần Viết T hay không. Những phát sinh trên của các đương sự không thể bỏ sung, khắc phục được tại cấp phúc thẩm, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST ngày 21/7/2022 của TAND huyện H về phần chia tài sản chung, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Ông Trần Viết T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 02/8/2022, bị đơn ông Trần Viết T kháng cáo phần chia tài sản chung trong bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo phần chia tài sản chung của bị đơn:

Bị đơn ông Trần Viết T kháng cáo phần chia tài sản chung trong bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H. Ông trình bày toàn bộ đất mà vợ chồng ông được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông mà Tòa án huyện H phân chia trong vụ án có nguồn gốc là của bố mẹ đẻ ông là cụ Trần Viết T3 và Từ Thị L cho vợ chồng ông khi bắt đầu về chung sống với nhau. Sau đó ông là người đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông và Bà Q có làm một ngôi nhà xây cấp 4 ba gian (nhà ngang) và các công trình phụ trợ trên một phần diện tích đất trên. Bản thân ông có thu nhập thấp, là hộ nghèo, vợ chồng tích cóp, vay mượn thêm của anh em và được Nhà nước hỗ trợ một phần tiền nên năm 2012 mới xây dựng được ngôi nhà trên, xây xong nhà nhưng chưa có tiền làm cửa, lát nền, mãi đến sau này thì mới làm được cửa, lát nền, lát sân và công trình phụ. Trong thời gian xây dựng nhà hai con gái ông cũng có đóng góp nhưng ông không trực tiếp cầm tiền, mà do các cháu đưa cho Bà Q bao nhiêu ông không biết. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chia cho ông sử dụng ngôi nhà gỗ 3 gian lợp fibroximang ông không nhất trí vì ngôi nhà và phần đất này là của bố mẹ đẻ ông chết nhưng chưa chia thừa kế cho các anh em trong gia đình. Nay ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định lại ranh giới diện tích thửa đất (vì tòa án cấp sơ thẩm đo vẽ nhưng không ghi các điểm trên sơ đồ nên không xác định trên thực địa được) và chia cho ông phần đất có một gian nhà ở hắt ra ngoài giáp đất ông S thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 00 thôn M, xã K, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, phần đất có 02 gian nhà hắt ra phía đất giáp ông Khoa chia cho Bà Q và xem xét quyền lợi của các con ông theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Bị đơn ông Trần Viết T cho rằng toàn bộ diện tích đất vợ chồng ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đã được Tòa án cấp sơ

thẩm phân chia trong bản án) có nguồn gốc do bố mẹ đẻ của ông T là cụ Trần Việt T (chết năm 2017), cụ Từ Thị L (chết năm 2012) khai phá, sử dụng từ những năm 1974. Bố mẹ đẻ ông T cho hai vợ chồng sử dụng từ năm 1995, sau đó ông T kê khai và được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31/12/2013. Trên thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 hai vợ chồng xây dựng 01 nhà xây một tầng, 01 nhà gỗ ba gian và một số công trình phụ trợ. Ông T xác định ngôi nhà gỗ ba gian do bố mẹ đẻ ông xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ ông, nay bố mẹ ông T chết, ngôi nhà gỗ ba gian thuộc quyền sở hữu của các anh em của ông Tuyên. Bà Tô Thị Q cho rằng ông T3, bà L làm nhà trên phần đất đã bán cho vợ chồng bà.

Ngày 15/8/2022, Tòa án nhận được đơn của các ông Trần Việt T1, Trần Việt N, Trần Việt N2, Trần Việt Đ (là anh, em ruột của ông Trần Việt T) có nội dung: Nguồn gốc diện tích đất và ngôi nhà gỗ ba gian, bố mẹ của các ông để lại làm nơi thờ cúng, chứ không cho, không bán cho anh chị Q, T. Cụ T và cụ L chết không để lại di chúc, gia đình cũng chưa họp để phân chia tài sản của bố mẹ để lại, việc Tòa án nhân dân huyện H chia tài sản là quyền sử dụng đất cho ông bà Q, Tuyên nhưng không lồng ghép tờ bản đồ để xác định cơ quan có thẩm quyền có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà Q, T có chồng vào thửa đất của bố mẹ anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu sót, xâm phạm đến quyền lợi của các ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Việt T1 cho rằng diện tích đất tại thửa số 01 tờ bản đồ 00 được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BR 650944 ngày 31/12/2013 cho hộ ông Trần Việt T và bà Tô Thị Q là cấp chồng lên thửa đất của bố mẹ đẻ ông là cụ Trần Việt T3 và Từ Thị L. Vì vậy, ông đề nghị làm rõ diện tích đất đã được Tòa án nhân dân huyện H chia tài sản cho ông T Bà Q làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh em gia đình ông.

** Về việc đóng góp tài sản xây dựng công trình, phụ trợ trên đất:*

Tại cấp phúc thẩm, bà Tô Thị Q xuất trình 01 biên bản họp gia đình ngày 29/10/2021 (bút lục 190 - 191), tại biên bản thể hiện ông Tuyên, Bà Q đều xác định nhà xây 01 tầng diện tích 80m² (xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 01) có công sức đóng góp tiền của 2 con gái là cháu Trần Lan A và Trần Thị T2 (đóng góp giá trị hoàn thiện lát nền, đóng cửa gỗ, lát sân, công trình phụ), tại phiên tòa phúc thẩm ông Tuyên, Bà Q đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Do quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các đương sự chưa đề nghị xem xét nội dung này, vì vậy để đảm bảo quyền lợi của đương sự thấy cần phải đưa cháu Trần Lan A và Trần Thị T2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ những phân tích trên thấy rằng tại cấp phúc thẩm phát sinh các tình tiết mới mà không bổ sung, khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó, để giải quyết triệt để vụ án Hội đồng xét xử thấy cần hủy một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang về phần chia tài sản chung của bà Tô Thị Q và ông Trần Việt T, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ

thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông Trần Viết T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 195/2022/HNGĐ-ST, ngày 21/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang về phần chia tài sản chung của bà Tô Thị Q và ông Trần Viết T. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Trần Viết T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông Trần Viết T số tiền nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004946, ngày 26/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/12/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Thanh Sơn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ma Hồng Thắng - Hồ Thanh Sơn

Hồ Hữu Việt

